CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Phát triển Đô thị

Ngày 31/12/2025	8,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	11.0%	**12.5%**	**12.2%**

DT thuần
Q4/25
17.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.30| 1.5%
YoY: ▼5.60| -24.7%

LN thuần
Q4/25
4.66
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.97| 73.4%
YoY: ▲ 3.43| 279%

LN sau thuế
Q4/25
3.57
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.70| 90.7%
YoY: ▲ 2.62| 275%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
10.4%
YoY: +/-▼ 9.8%

ROE
2025
2.2%
YoY: +/-▼ 0.8%

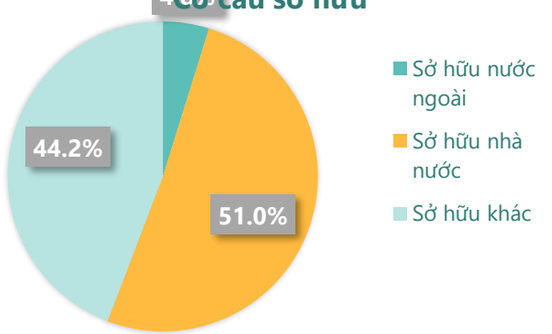
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,844 - 8,625
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	134
Số lượng CPLH (CP)	16,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,505
Sở hữu nước ngoài	4.8%
Beta	0.44
EPS	299
P/E	27.1

DT thuần
2025
60.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 18.0| 42.1%

LN thuần
2025
7.48
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.20| -13.8%

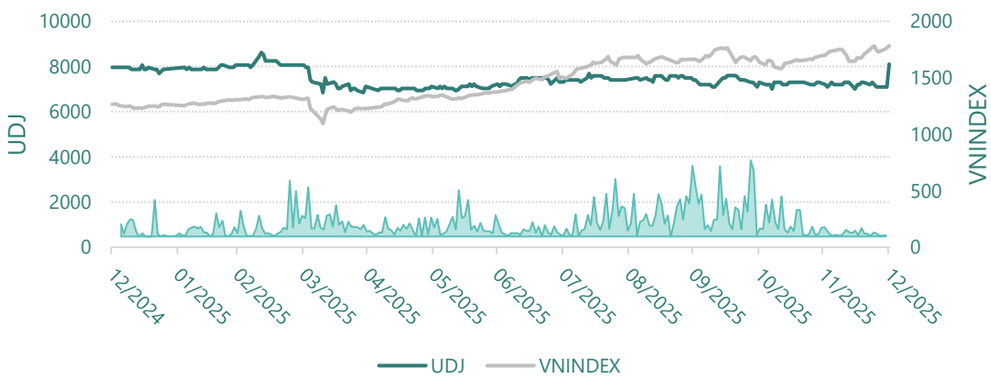
LN sau thuế
2025
4.93
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.85| -27.2%

Cơ cấu sở hữu

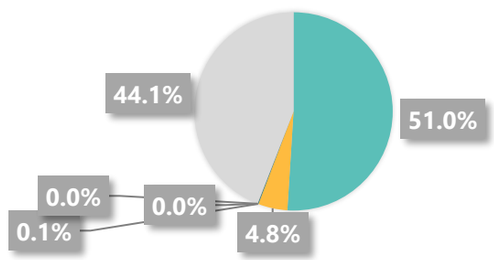


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



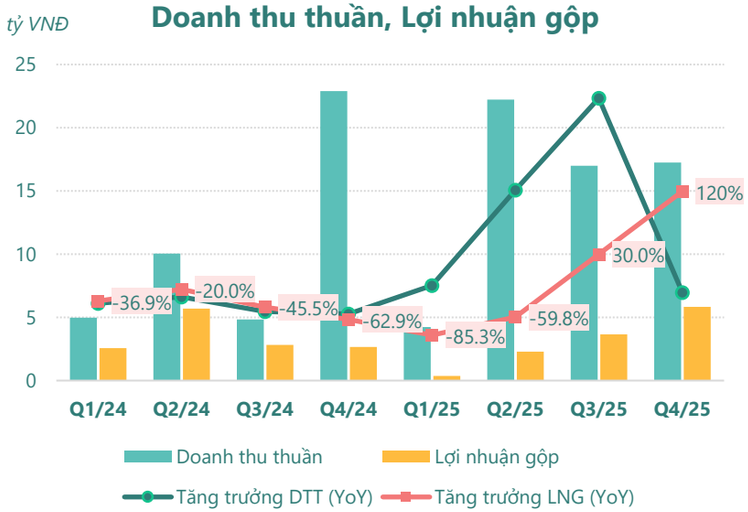
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

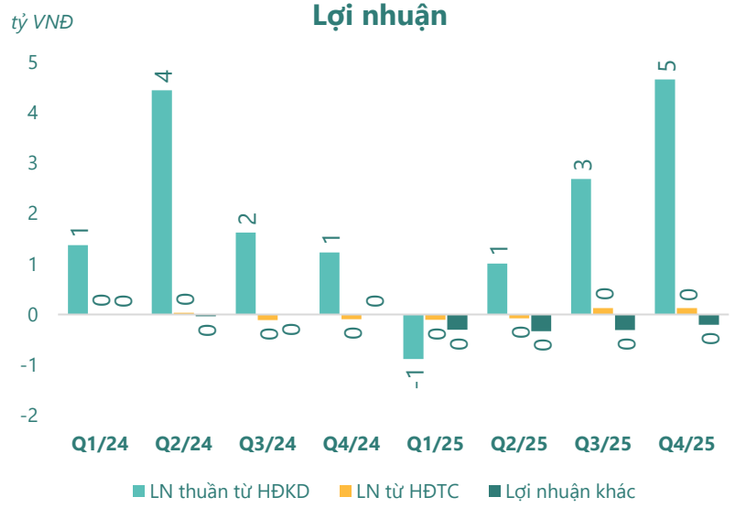
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



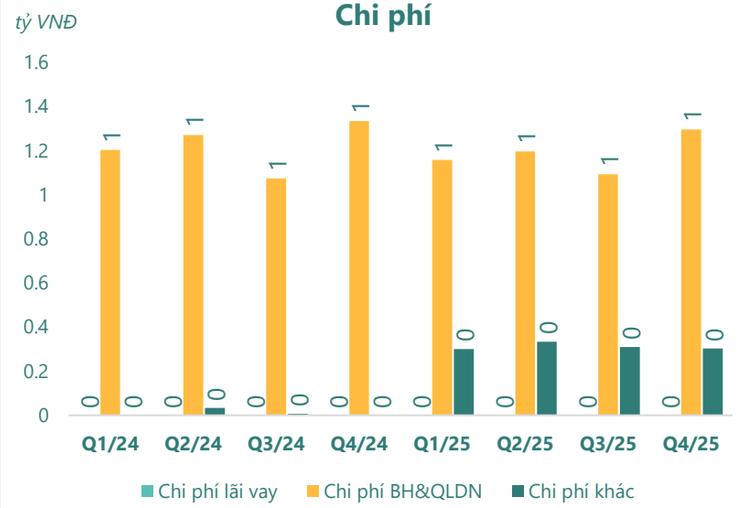
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



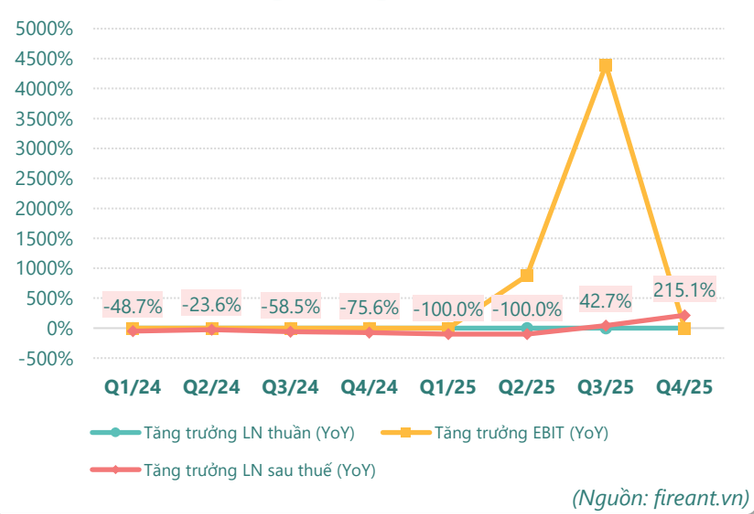
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



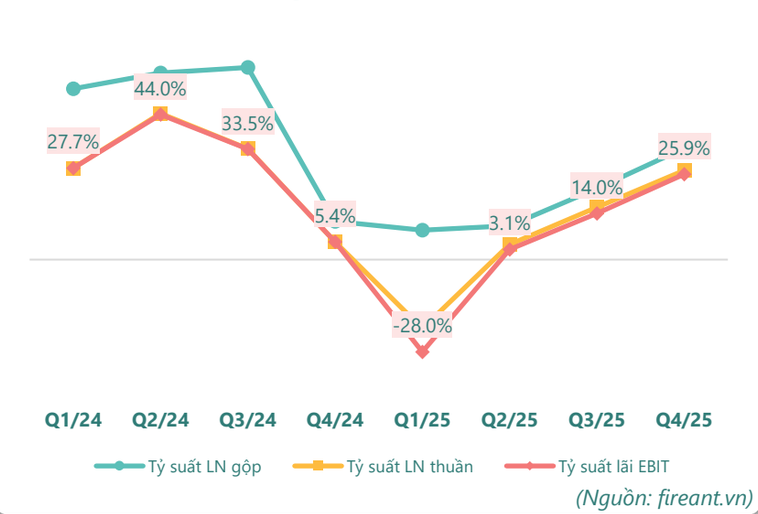
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



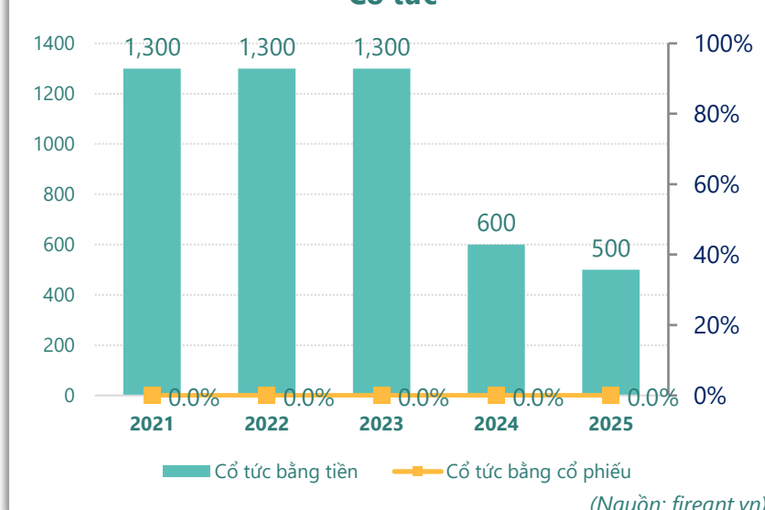
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

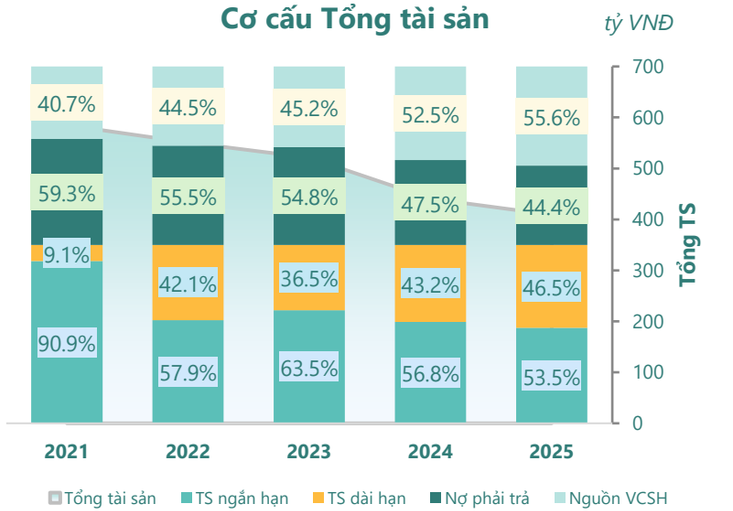
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

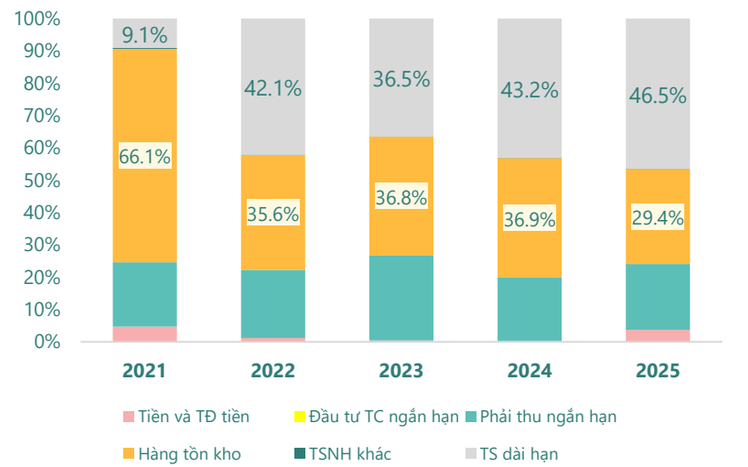
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



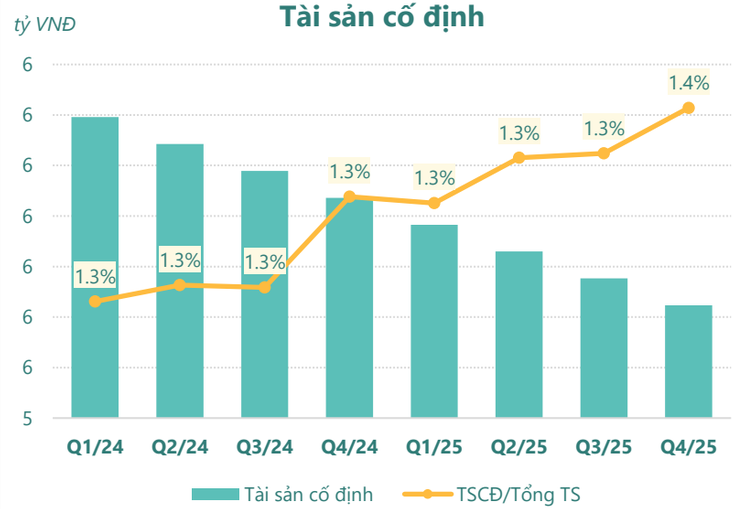
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



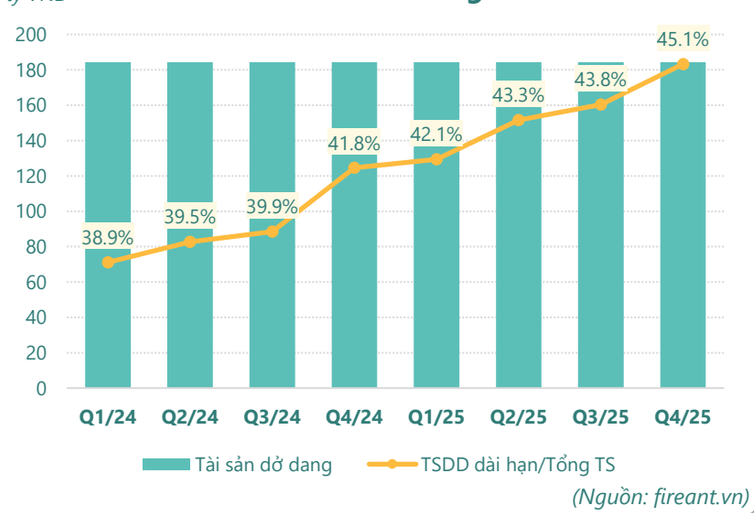
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



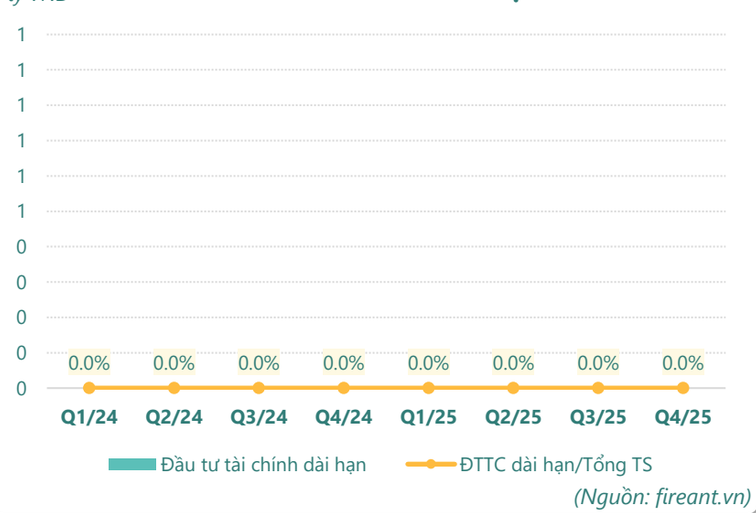
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



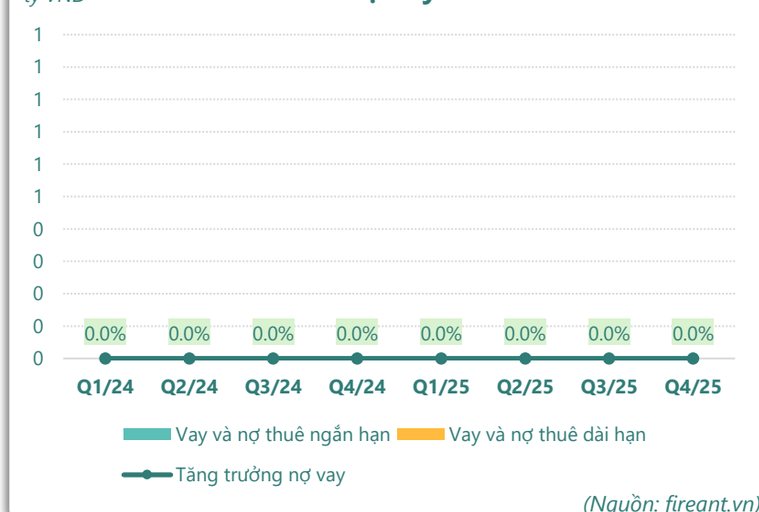
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

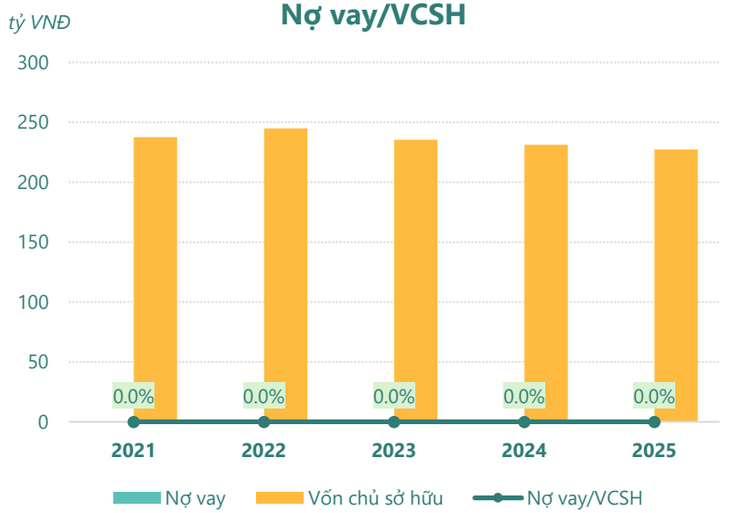
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



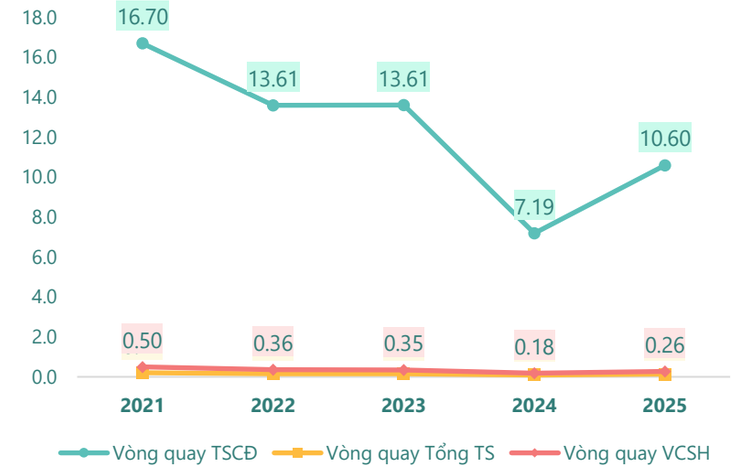
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



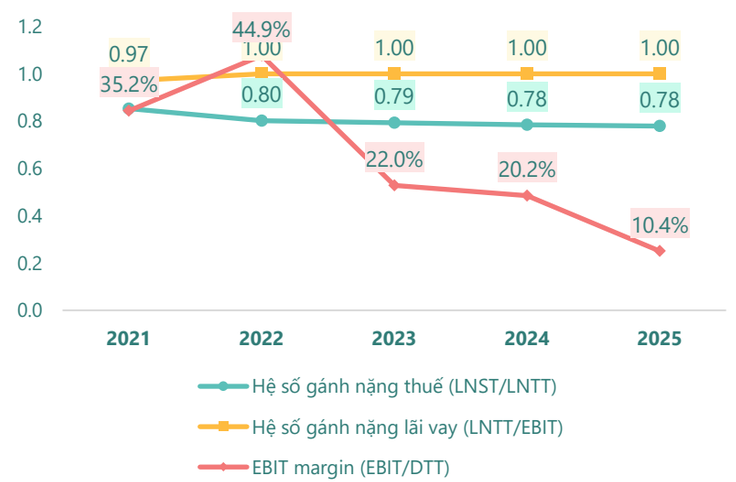
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



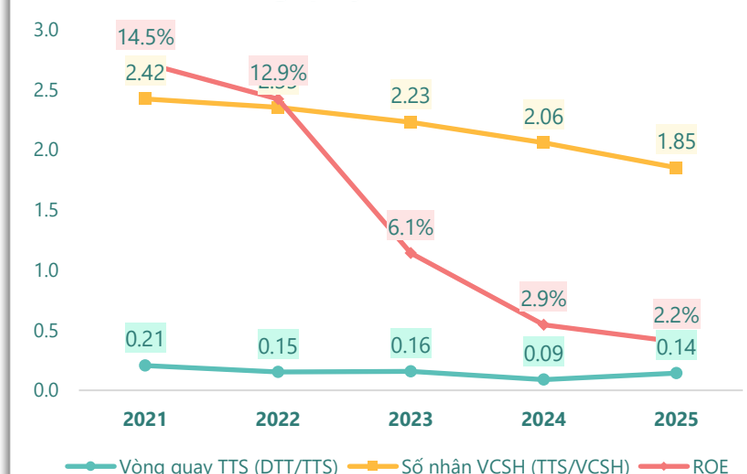
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



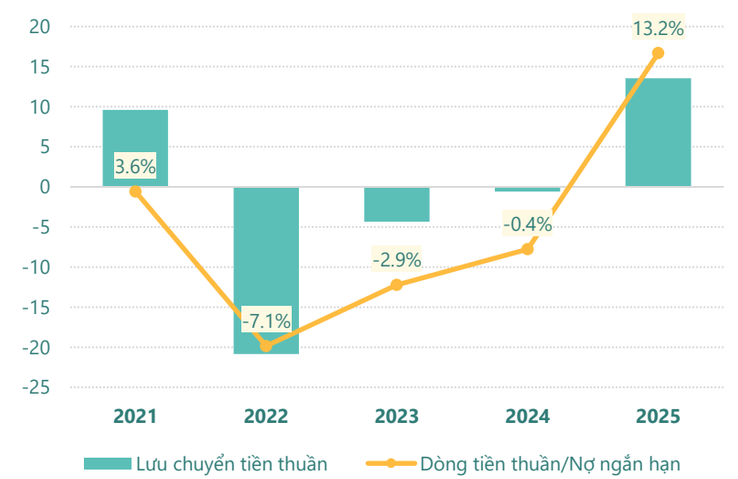
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**17.3**	**22.9**	**-24.7%**	**60.7**	**42.7**	**42.1%**
Giá vốn hàng bán	11.4	20.2	-43.5%	48.6	29.0	67.5%
Lợi nhuận gộp	5.83	2.66	119%	12.2	13.7	-11.5%
Doanh thu HĐTC	0.13	0.00		0.27	0.08	224%
Chi phí TC	0	0.09	-100%	0.20	0.25	-19.1%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.30**	**1.33**	**-2.5%**	**4.74**	**4.88**	**-2.9%**
LN thuần từ HĐKD	4.66	1.23	279%	7.48	8.68	-13.8%
Lợi nhuận khác	**-0.20**	**0.00**		**-1.15**	**-0.04**	**-2704%**
LN trước thuế	4.46	1.23	263%	6.33	8.64	-26.7%
Lợi nhuận sau thuế	**3.57**	**0.95**	**275%**	**4.93**	**6.78**	**-27.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.57**	**0.95**	**275%**	**4.93**	**6.78**	**-27.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.97	1.00	-0.37	15.0	4.92	7.34
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.04	0.01	0	0.01	0.11	-0.11
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.28	-4.69	-0.04	-5.11	-0.03	-8.18
Tiền đầu kỳ	6.58	5.38	1.70	1.29	11.2	16.2
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.21**	**-3.68**	**-0.41**	**9.91**	**5.00**	**-0.96**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.38	1.70	1.29	11.2	16.2	15.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**409**	**440**	**-7.2%**
Tài sản ngắn hạn	219	250	-12.5%
Tiền và tương đương tiền	15.3	1.70	797%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	83.1	85.9	-3.2%
Hàng tồn kho	120	163	-26.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.24	0.04	446%
Tài sản dài hạn	**190**	**190**	**-0.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	5.62	5.84	-3.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	184	184	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.00**	**0.01**	**-70.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	181	209	-13.3%
Nợ ngắn hạn	**103**	**131**	**-21.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	87.6	84.1	4.2%
Nợ dài hạn	78.3	78.3	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**227**	**231**	**-1.6%**
Vốn chủ sở hữu	**227**	**231**	**-1.6%**
Vốn điều lệ	165	165	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)